

Bản án số: 210/2024/DS-PT

Ngày: 09-5-2024

V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Vũ.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

Bà Phạm Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2023/TLPT-DS, ngày 31 tháng 7 năm 2023, về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”; do Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 331/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị C, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số 63/3, đường CMT8, khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 140, hẻm 5, đường HTP, khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/7/2022); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hồ Văn D, sinh năm 1954; nơi cư trú: Ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: ông Nguyễn Thanh Hùng là luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Thanh Hùng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Văn H1, sinh năm 1949; nơi cư trú: Ấp Trường Ân, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị vắng mặt.

2/ Ông Lê Minh H2, sinh năm 1977;

3/ Ông Lê Tấn D, sinh năm 1979;

Cùng nơi cư trú: Ấp M, xã TP, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; cùng có đơn đề nghị vắng mặt.

4/ Ông Lê Thái B, sinh năm 1973; nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị vắng mặt.

5/ Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp BL, xã BM, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị vắng mặt.

6/ Quỹ tín dụng nhân dân Hiệp Thạnh; địa chỉ: Ấp ĐH, xã HT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Hồ Trí T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp Trà Võ, xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người kháng cáo: Bà Lê Thị C là nguyên đơn và ông Lê Văn H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị C, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:

Cha bà C là ông Lê Văn Q, chết năm 1968. Mẹ bà C tên Trần Thị R, chết năm 1998. Năm 1979, bà R được anh em phân chia cho bà R phần đất thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 17 tại ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Bà R cất nhà thiếc ở cùng với bà C và bà H. Năm 1981, bà C có gia đình thì ra ở riêng chỉ còn lại bà R sống cùng với bà H đến khi chết.

Bà R chưa đăng ký để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Lê Thị Phụng H được cấp giấy đất khi nào thì bà C không biết. Sau khi bà H nói thể chấp vay tiền cách nay 03 đến 04 năm thì bà H có nói cho bà C biết là đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi bà R chết không để lại di chúc. Bà R, ông Q có bốn người con gồm bà

Lê Thị C, Lê Văn H1, Lê Thị H (chết năm 2009) và Lê Thị Phụng H (chết năm 2021). Bà R, ông Q không có con nuôi, con riêng nào khác.

Khi khởi kiện, bà C nghĩ rằng ông D không đăng ký kết hôn với bà H nên bà C yêu cầu ông D trả lại đất cho anh em bà tại thửa 196 với diện tích 1.746,2 m². Tuy nhiên, nay bà C biết được ông D và bà H có giấy đăng ý kết hôn và nguồn gốc đất ông bà phân chia cho bà R là 1.296 m² nên bà C thay đổi yêu cầu khởi kiện là chia di sản thừa kế của bà R để lại cho bà C và các anh em làm bốn phần cho bà C được hưởng 1/4 đối với quyền sử dụng đất diện tích 1.296 m² trong thửa đất số 196, tờ bản đồ số 17 tại ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Đối với phần diện tích đất theo kết quả đo đạc nhiều hơn có nguồn gốc do ông D, bà H nhận chuyển nhượng thêm của những người giáp ranh và tài sản gắn liền với đất bà C không yêu cầu chia.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hồ Văn D trình bày:

Vào năm 1992, ông chung sống như vợ chồng với bà Lê Thị Phụng H (chết ngày 20/01/2021); đến ngày 23/8/2002, ông, bà đăng ký kết hôn tại xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Ông và bà Lê Thị Phụng H cùng mẹ bà H là bà Trần Thị R chung sống cùng nhà tại tổ 38 ấp CA, xã CG, huyện GD tỉnh Tây Ninh. Khi đó căn nhà này là tài sản của bà R mái lợp tôn, vách che bằng bồ tre; quyền sử dụng đất là của tông chi do ông Trần Văn B là anh ruột của bà Trần Thị R quản lý. Đến ngày 02/9/1995, với sự đồng ý những người trong gia đình, ông Trần Văn B lập giấy tay có nội dung Giấy chia đất tông chi, các anh chị em của bà Trần Thị R đồng ý cho bà Trần Thị R được quyền sử dụng phần đất mà mẹ con bà Trần Thị R và bà Lê Thị Phụng H đang ở. Khi ông về chung sống với bà H, cụ Rành đã già yếu, bệnh tật nên bà H chỉ ở nhà làm nội trợ và chăm sóc cho mẹ, ông có nghề nghiệp là lái xe đường dài, là lao động chính nuôi dưỡng gia đình gồm bà H, bà R. Khi bà R còn sống, bà R có nói rằng phần đất tông chi cho bà đang ở, ai là người phụng dưỡng, chăm sóc bà lúc ốm đau, tổ chức ma chay cho bà sau này sẽ được hưởng, các con của bà R cũng đồng ý với ý nguyện của bà R.

Sau khi bà R chết, bà H thực hiện theo ý nguyện của mẹ mình nên đã kê khai đăng ký; ngày 12/11/2001, bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời để tránh việc tranh chấp sau này, ngày 26 tháng 11 năm 2001, bà H cùng các anh chị em là Lê Văn H1, Lê Thị H, Lê Thị C cùng nhau lập “Tờ tự thuận”. Tờ tự thuận có nội dung những người con của bà Trần Thị R: Đồng ý tự thuận cho bà Lê Thị Phụng H phần đất có diện tích 1.689 m² là phần đất di sản của bà Trần Thị R, bà Lê Thị Phụng H được trọn quyền sử dụng đăng ký. Các

anh chị và bà H đã ký tên vào tờ tự thuận này và được chính quyền Ấp CA, xã CG, huyện GD chứng thực.

Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông xin phép xây dựng công trình trên đất là căn nhà cấp 4a, diện tích xây dựng 106,85 m². Ngày 21 tháng 01 năm 2002, ông và bà Lê Thị Phụng H được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở khu vực ngoài đô thị.

Năm 2019, ông và bà Phụng H cùng ông có vay của Quỹ tín dụng Hiệp Thanh số tiền gốc là 200.000.000 đồng, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đang có tranh chấp, đến hạn vào ngày 24/5/2023. Từ khi vay đến ngày 01/11/2021, ông đã đóng lãi hàng tháng nhưng chưa trả nợ gốc. Ông không trả lãi và gốc từ ngày 01/11/2021 do bà C tranh chấp.

Nay ông không đồng ý với yêu cầu của bà C và ông H1. Ông xin rút lại yêu cầu công nhận cho ông được quyền sở hữu tài sản tranh chấp do ông là thừa kế duy nhất của bà Phụng H nên ông sẽ làm thủ tục nhận thừa kế sau khi có quyết định giải quyết của Tòa án xong. Đối với yêu cầu trả nợ của Quỹ tín dụng nhân dân HT thì ông đồng ý trả.

Đối với kết quả đo đạc ông thống nhất phân ranh đất theo thực tế nằm ngoài giấy chứng nhận và phân diện tích đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng nằm ngoài ranh hiện trạng thì ông không yêu cầu giải quyết. Ông thống nhất kết quả đo đạc, định giá không có ý kiến yêu cầu gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H1 trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của người đại diện hợp pháp với bà C. Qua đối chiếu với “Tờ tự thuận” do ông D cung cấp là chữ ký do ông ký ra nhưng nội dung là ký cho bà Phụng H ở quản lý tài sản mà không phải ký cho bà H được quyền sử dụng đất. Nay ông yêu cầu chia di sản thừa kế của bà R để lại cho ông được hưởng một suất thừa kế theo quy định pháp luật đối với quyền sử dụng đất diện tích 1.296 m² trong thửa đất số 196, tờ bản đồ số 17 tại ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Đối với phần diện tích đất theo kết quả đo đạc nhiều hơn có nguồn gốc do ông D, bà Phụng H nhận chuyển nhượng thêm của những người giáp ranh và tài sản gắn liền với đất ông không yêu cầu chia.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Quỹ tín dụng nhân dân Hiệp Thanh, do đại diện hợp pháp anh Nguyễn Hồ Chí Trung trình bày:

Ông D và bà Phụng H vay Quỹ tín dụng nhân dân HT số tiền gốc 200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 191269/2019/HĐTD ngày 31-12-

2019. Khi vay có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 1.689 m² tại thửa 2066 tờ bản đồ số 03 và căn nhà cấp 4a, diện tích 106,85 m² tại ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1911269/2019/HĐTC ngày 30/12/2019 hiện bà C đang tranh chấp. Từ ngày 01/11/2021 ông D không đóng tiền lãi cho đến nay.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân Hiệp Thạnh yêu cầu ông D phải trả số tiền gốc 200.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 29/5/2023 là 46.977.600 đồng. Tổng cộng số tiền 246.977.600 đồng. Yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh H2, anh Lê Tấn D, ông Lê Thái B, bà Lê Thị Ngọc T cùng trình bày:

Ông Lê Minh H2, anh Lê Tấn D, ông Lê Thái B, bà Lê Thị Ngọc T là con của bà Lê Thị H (chết năm 2009) và ông Lê Thành Đạt (chết năm 2016). Bà Hận, ông Đạt không có con riêng, con nuôi nào khác. Nguồn gốc đất bà C đang tranh chấp do ông bà ngoại của các ông bà để lại hiện do ông D đang quản lý. Các ông bà không biết về việc phân chia đất giữa bà Hận với các anh em ruột bà Hận.

Nay ông B, ông H2, bà T cùng có nguyện vọng trong trường hợp Tòa án chia di sản thừa kế của ông bà ngoại thì yêu cầu được nhận phần di sản của mẹ là bà Lê Thị H. Riêng ông D không có yêu cầu gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C, ông Lê Văn H1 tranh chấp về thừa kế tài sản đối với ông Hồ Văn D đối với tài sản là quyền sử dụng đất 1.296 m² trong thửa đất số 196, tờ bản đồ số 17 (bản đồ địa chính cũ trong thửa 2068 tờ bản đồ 03) tại ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Hiệp Thạnh tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Hồ Văn D.

2.1. Buộc ông Hồ Văn D có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân HT số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/5/2023 là 46.977.600 đồng. Tổng cộng là 246.977.600 (hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm) đồng. Ông Hồ Văn D còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30-5-2023 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân HT theo Hợp đồng tín dụng số 191269/2019/HĐTD ngày 31-12-2019.

2.2. Trường hợp ông Hồ Văn D không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên thì Quỹ tín dụng nhân dân HT có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo gồm quyền sử dụng đất diện tích 1.689 m² tại thửa 2066 tờ bản đồ số 03 và căn nhà cấp 4a, diện tích 106,85m² tại ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1911269/2019/HĐTC ngày 30/12/2019 giữa ông D, bà Phụng H và Quỹ tín dụng nhân dân Hiệp Thành.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06 tháng 06 năm 2023, bà Lê Thị C là nguyên đơn và ông Lê Văn H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu toà án cấp phúc thẩm tuyên sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị C, ông Lê Văn H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H1 kháng cáo; trình tự thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà C trình bày, cha bà C là cụ Lê Văn Q, chết năm 1968. Mẹ bà C là cụ Trần Thị R, chết năm 1998. Cụ Rành, cụ Quản có bốn người con gồm: bà Lê Thị C, ông Lê Văn H1, bà Lê Thị H (chết năm 2009, bà Hận có 04 con là: anh Lê Minh H2, anh Lê Tấn D, anh Lê Thái B, chị Lê Thị Ngọc T) và bà Lê Thị Phụng H (chết năm 2021, có chồng là ông D, không có con nuôi, con riêng nào khác). Cụ Rành, cụ Quản không có con nuôi, con riêng nào khác.

Vào năm 1979, cụ Rành được anh em cụ Rành phân chia cho cụ Rành phần đất thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 17 tại Ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Cụ Rành cất nhà thiết ở cùng với bà C và bà H. Năm 1981, bà C

có gia đình thì ra ở riêng chỉ còn lại bà R sống cùng với bà H đến khi chết.

Ngày 02/9/1995 cụ Rành được anh em làm giấy chia đất tông chi cho cụ Rành diện tích 36 m x 36 m (1 công 296 m).

Cụ Rành chưa đăng ký để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Lê Thị Phụng H được cấp giấy đất khi nào thì bà C không biết. Sau khi bà H nói thể chấp vay tiền cách nay 03 đến 04 năm thì bà H có nói cho bà C biết là đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cụ Rành chết 1998 không để lại di chúc. Di sản thừa kế của cụ Rành là phần đất đang tranh chấp.

Các bên đương sự cùng thống nhất nguồn gốc đất là của cụ Rành do anh em của cụ Rành phân chia có diện tích 1.296 m² (BL:88), phần diện tích đất còn lại có nguồn gốc do vợ chồng ông D nhận chuyển nhượng. Cụ Rành có cất nhà ở trên đất sinh sống nhưng chưa làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ Rành sống cùng vợ chồng ông D đến năm 1994 thì vợ chồng ông D tiếp tục quản lý sử dụng.

Bà H được Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01954 QSDĐ/125/2001/QĐ ngày 12/11/2001, diện tích 1.689 m², thửa số 2066, tờ bản đồ 0003. Trên đất có nhà và cây trồng hiện do ông D đang quản lý sử dụng. Nhà ông D, bà H xây được UBND huyện Gò Dầu cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở ngày 21 tháng 01 năm 2002, nhà cấp 4a, diện tích 106 m².

Bên nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho rằng việc bà H tự kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/11/2001 thì các ông, bà không biết và không có sự đồng ý của các ông bà nên không hợp pháp và cho rằng phần đất này là di sản thừa kế của bà R để lại chưa chia. Bị đơn đưa ra chứng cứ là “*Tờ tự thuận*” có nội dung các anh em bà H gồm ông H1, bà Hận, bà C “*cùng đồng ý tự thuận phân cho tôi (bà H) có diện tích đất 1.689 m² thổ cư mà mẹ tôi là bà Trần Thị R (chết) Tôi được toàn quyền sử dụng và đăng ký diện tích đất nói trên. Tọa lạc tại Tổ 39 Cẩm An, xã CG*”, có chữ ký của các ông bà nêu trên, có chứng thực của ấp, Ủy ban nhân dân xã Cẩm An ngày 26/11/2001.

Tại cấp sơ thẩm nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký trong “*Tờ tự thuận*” do bị đơn cung cấp và xác minh về sổ chứng thực chữ ký tại Ủy ban nhân dân xã CG khi thực hiện việc chứng thực “*Tờ tự thuận*”. Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy “*Tờ tự thuận*” đã được ấp, Ủy ban nhân dân xã CG chứng thực, ông H1 thừa nhận chữ ký do ông ký ra, bà H và bà H đã chết;

văn bản có trường ấp xác nhận, Ủy ban nhân dân xã CG chứng thực là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không chấp nhận đề nghị của nguyên đơn và đại diện hợp pháp của nguyên đơn về yêu cầu trưng cầu giám định và xác minh chứng cứ và căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C, ông Lê Văn H1 tranh chấp về thừa kế tài sản đối với ông Hồ Văn D. Tại Toà phúc thẩm bà C vẫn yêu cầu giám định chữ ký của bà trong tờ tư thuận; tuy nhiên trong hai lần gửi hồ sơ giám định, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tây Ninh thông báo Hồ sơ giám định vượt quá khả năng giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự.

Từ những chứng cứ có trong hồ sơ, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C, ông Lê Văn H1 tranh chấp về thừa kế tài sản đối với ông Hồ Văn D. Bà C, ông D kháng cáo không cung cấp được chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà C, ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị C, ông Lê Văn H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm dân sự: Bà Lê Thị C và ông Lê Văn H1 là người cao tuổi nên không phải chịu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị C và ông Lê Văn H1;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 609, 611, 612, 613, 614, 620 của Bộ luật Dân sự; các Điều 12, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C, ông Lê Văn H1 tranh chấp về thừa kế tài sản đối với ông Hồ Văn D đối với tài sản là quyền sử

dụng đất 1.296 m² trong thửa đất số 196, tờ bản đồ số 17 (bản đồ địa chính cũ trong thửa 2068 tờ bản đồ 03) tại Ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhận dân Hiệp Thạnh tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Hồ Văn D.

2.1. Buộc ông Hồ Văn D có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhận dân Hiệp Thạnh số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/5/2023 là 46.977.600 đồng. Tổng cộng là 246.977.600 (hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm) đồng. Ông Hồ Văn D còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30-5-2023 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhận dân Hiệp Thạnh theo Hợp đồng tín dụng số 191269/2019/HĐTD ngày 31-12-2019.

2.2. Trường hợp ông Hồ Văn D không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên thì Quỹ tín dụng nhận dân Hiệp Thạnh có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo gồm quyền sử dụng đất diện tích 1.689 m² tại thửa 2066 tờ bản đồ số 03 và căn nhà cấp 4a, diện tích 106,85m² tại Ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1911269/2019/HĐTC ngày 30/12/2019 giữa ông D, bà H và Quỹ tín dụng nhận dân Hiệp Thạnh.

3. Chi phí tố tụng: Bà Lê Thị C phải chịu 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Ghi nhận đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị C, ông Lê Văn H1 và ông Hồ Văn D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Quỹ tín dụng nhận dân Hiệp Thạnh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhận dân Hiệp Thạnh số tiền tạm ứng án phí là 5.647.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024892 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Lê Thị C, ông Lê Văn H1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện, thành phố;
- Chi cục THADS huyện, thành phố;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Tuấn Vũ